

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng/Sở Công Thương/Sở Giao thông vận tải/Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 418/TTr-SXD ngày 17 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 23 thủ tục hành chính ban hành mới và 28 thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng/Sở Công Thương/Sở Giao thông vận tải/Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo)¹.

¹ Tra cứu toàn bộ nội dung của TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và UBND cấp huyện; Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban; gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 06/02/2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ LĨNH VỰC
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC THÀM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG/SỞ CÔNG THƯƠNG/
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI/SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
NGHI SƠN VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TỈNH THANH HÓA**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC trên Cổng DVC quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (1.013239.H56)	Dự án nhóm A không quá 35 ngày, dự án nhóm B không quá 25 ngày, dự án nhóm C không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Cụ thể: + Sở Xây dựng: Đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự	Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày
2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh (1.013234.H56)	- Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.			

			<p>án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ trong đô thị theo địa giới đô thị xác định tại quy hoạch đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị);</p> <p>+ Sở Giao thông vận tải: Đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản 6 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP);</p> <p>+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;</p> <p>+ Sở Công Thương: Đối với đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản 6 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).</p> <p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (Km 372, QL1A, phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa): Đối với các dự án, công trình được giao quản lý.</p>		<p>12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>- Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>- Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của</p>
--	--	--	--	--	---

					UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi khoản 1 Điều 2 và bổ sung khoản 3 vào Điều 2 Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
3	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). (1.013236.H56)	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (Km 372, QL1A, phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa): Đối với các công trình được giao quản lý. - Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	- Lệ phí: 150.000 đồng/giấy phép.	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của

4	<p>Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p> <p>(1.013238.H56)</p>	<p>20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (Km 372, QL1A, phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa): Đối với các công trình được giao quản lý.</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>- Lệ phí: 150.000 đồng/giấy phép.</p>	<p>HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cấp giấy phép xây dựng và quy định quy mô công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 55/2022/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa bổ sung Điều 2a vào sau Điều 2 Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND</p>
5	<p>Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p> <p>(1.013230.H56)</p>	<p>20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa</p>	<p>- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy phép.</p>	
6	<p>Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công</p>	<p>20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa</p>	<p>- Lệ phí: 150.000 đồng/giấy phép.</p>	

	<p>trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p> <p>(1.013231.H56)</p>	<p>phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định</p>	<p>(số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (Km 372, QL1A, phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa): Đối với các công trình được giao quản lý.</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc uỷ quyền cấp giấy phép xây dựng và quy định quy mô công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p>
7	<p>Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p> <p>(1.013233.H56)</p>	<p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (Km 372, QL1A, phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa): Đối với các công trình được giao quản lý.</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>- Lệ phí: 10.000 đồng/giấy phép.</p>
8	<p>Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/</p>	<p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>- Lệ phí: 10.000 đồng/giấy phép.</p>

	<p>Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p> <p>(1.013235.H56)</p>				
9	<p>Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng</p> <p>(1.013237.H56)</p>	<p>- Trả kết quả đánh giá hồ sơ (thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đủ/không đủ điều kiện sát hạch, thông báo thời điểm tổ chức thi sát hạch): 45 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ.</p> <p>- Trả chứng chỉ hành nghề (cá nhân đạt sát hạch): 10 ngày kể từ ngày sát hạch.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>1. Chi phí sát hạch: 350.000 đồng/bài thi.</p> <p>2. Lệ phí cấp chứng chỉ:</p> <p>- Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 300.000 đồng/chứng chỉ.</p> <p>- Đối với trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Kể từ nay đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí bằng 80% (tám mươi phần trăm) mức thu lệ phí theo quy định trên.</p> <p>+ Kể từ ngày 01/01/2026 trở đi, áp</p>	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.</p> <p>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư</p>

				dụng mức thu lệ phí quy định trên.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến. - Quyết định số 1191/QĐ-BXD ngày 28/11/2023 của Bộ Xây dựng.
10	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (1.013217.H56)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn 	<p>Lệ phí cấp chứng chỉ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 150.000 đồng/chứng chỉ. - Đối với trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: <p>+ Kể từ nay đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí bằng 80% (tám mươi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

				<p>phần trăm) mức thu lệ phí theo quy định trên.</p> <p>+ Kể từ ngày 01/01/2026 trở đi, áp dụng mức thu lệ phí quy định trên.</p> <p><i>(Trường hợp cấp lại chứng chỉ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp ghi sai thông tin thì không thu lệ phí)</i></p>	<p>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư</p> <p>- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Quyết định số 1191/QĐ-BXD ngày 28/11/2023 của Bộ Xây dựng.</p>
11	<p>Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.</p> <p>(1.013219.H56)</p>	<p>25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>Lệ phí cấp chứng chỉ:</p> <p>- Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>300.000 đồng/chứng chỉ.</p> <p>- Đối với trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Kể từ nay đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí bằng 80% (tám mươi phần trăm) mức thu lệ phí theo quy định trên.</p> <p>+ Kể từ ngày 01/01/2026 trở đi, áp</p>	

				dụng mức thu lệ phí quy định trên.	
12	Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (1.013220.H56)	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>Lệ phí cấp chứng chỉ:</p> <p>- Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 1.000.000 đồng/chứng chỉ.</p> <p>- Đối với trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: + Kể từ nay đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí bằng 80% (tám mươi phần trăm) mức thu lệ phí theo quy định trên. + Kể từ ngày 01/01/2026 trở đi, áp dụng mức thu lệ phí quy định trên.</p>	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.</p> <p>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư</p>
13	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (1.013221.H56)	- 05 ngày đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 95 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p>	<p>Lệ phí cấp chứng chỉ:</p> <p>- Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p>	<p>- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về</p>

		<p>ngày 30/12/2024 của Chính phủ hoặc cấp lại chứng chỉ bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ.</p> <p>- 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp khác.</p>	<p>- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>500.000 đồng/chứng chỉ.</p> <p>- <i>Đối với trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</i></p> <p>+ Kể từ nay đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí bằng 80% (tám mươi phần trăm) mức thu lệ phí theo quy định trên.</p> <p>+ Kể từ ngày 01/01/2026 trở đi, áp dụng mức thu lệ phí quy định trên.</p> <p><i>(Trường hợp cấp lại chứng chỉ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp ghi sai thông tin thì không thu lệ phí)</i></p>	<p>phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Quyết định số 1191/QĐ-BXD ngày 28/11/2023 của Bộ Xây dựng.</p>
14	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài (1.013222.H56)	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>Lệ phí:</p> <p>- <i>Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</i></p> <p>2.000.000 đồng/giấy phép.</p>	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết</p>

				<p>- Đối với trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Kể từ nay đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí bằng 80% (tám mươi phần trăm) mức thu lệ phí theo quy định trên.</p> <p>+ Kể từ ngày 01/01/2026 trở đi, áp dụng mức thu lệ phí quy định trên.</p>	<p>một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.</p> <p>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư</p>
15	<p>Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài (1.013224.H56)</p>	<p>20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>Lệ phí:</p> <p>- Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>- Đối với trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Kể từ nay đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí bằng 80% (tám mươi phần trăm) mức thu lệ phí theo quy định trên.</p>	<p>- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Quyết định số 1191/QĐ-BXD ngày 28/11/2023 của Bộ Xây dựng.</p>

				+ Kê từ ngày 01/01/2026 trở đi, áp dụng mức thu lệ phí quy định trên.	
II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.013225.H56)	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện.	- Lệ phí: + Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép; + Công trình khác: 150.000 đồng/giấy phép.	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. - Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND
2	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. (1.013229.H56)	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	- Lệ phí: + Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép; + Công trình khác: 150.000 đồng/giấy phép.	

3	<p>Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.</p> <p>(1.013232.H56)</p>	<p>20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện.</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy phép.</p>	<p>ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cấp giấy phép xây dựng và quy định quy mô công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 55/2022/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND</p>
4	<p>Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.</p> <p>(1.013226.H56)</p>	<p>20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện.</p> <p>- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>- Lệ phí: + Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép; + Công trình khác: 150.000 đồng/giấy phép.</p>	<p>ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa bổ sung Điều 2a vào sau Điều 2 Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ủy quyền cấp giấy phép xây dựng và quy định quy mô công</p>
5	<p>Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn</p>	<p>05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện.</p>	<p>- Lệ phí: 10.000 đồng/giấy phép.</p>	<p>trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>

	giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. (1.013227.H56)		- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn		
6	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. (1.013228.H56)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện. - Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	- Lệ phí: 10.000 đồng/giấy phép.	
7	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (1.013239.H56)	Dự án nhóm A không quá 35 ngày, dự án nhóm B không quá 25 ngày, dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện.	Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây
8	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ	- Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt;			

	<p>sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh (1.013234.H56)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại. 		<p>dựng về quản lý hoạt động xây dựng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. - Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ
--	---	--	--	---

				<p>sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi khoản 1 Điều 2 và bổ sung khoản 3 vào Điều 2 Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p>
--	--	--	--	--

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

- Bãi bỏ 16 TTHC lĩnh vực Hoạt động xây dựng đã được công bố tại Quyết định số 4549/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa;

- Bãi bỏ 12 TTHC lĩnh vực Hoạt động xây dựng đã được công bố tại Quyết định 3209/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc

thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa.

STT	Mã hồ sơ thủ tục hành chính bị bãi bỏ trên Cổng DVC quốc gia	Tên thủ tục hành chính bãi bỏ	Văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ TTHC
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	1.009972.000.00.00.H56	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.
2	1.009973.000.00.00.H56	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh.	
3	1.009974.000.00.00.H56	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	
4	1.009975.000.00.00.H56	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	
5	1.009976.000.00.00.H56	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	

6	1.009977.000.00.00.H56	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.</p>
7	1.009978.000.00.00.H56	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	
8	1.009979.000.00.00.H56	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	
9	1.009982.000.00.00.H56	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III.	
10	1.009983.000.00.00.H56	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	
11	1.009984.000.00.00.H56	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng).	
12	1.009985.000.00.00.H56	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin).	
13	1.009986.000.00.00.H56	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	
14	1.009987.000.00.00.H56	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân người nước ngoài hạng II, hạng III	

15	1.009928.000.00.00.H56	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.</p>
16	1.009988.000.00.00.H56	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III.	
17	1.009989.000.00.00.H56	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng).	
18	1.009990.000.00.00.H56	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do bị ghi sai thông tin).	
19	1.009991.000.00.00.H56	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	
20	1.009936.000.00.00.H56	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III.	

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1	1.009994.000.00.00.H56	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.</p>
2	1.009995.000.00.00.H56	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
3	1.009996.000.00.00.H56	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo	

		tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
4	1.009997.000.00.00.H56	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.
5	1.009998.000.00.00.H56	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
6	1.009999.000.00.00.H56	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
7	1.009972.000.00.00.H56	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.	
8	1.009973.000.00.00.H56	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh.	